



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2013	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước trước đây là Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành theo Quyết định số 5435/QĐUB ngày 16 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 4103002274 ngày 21 tháng 04 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Qua các lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301164065 với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở được đặt tại 186 – 188 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.000.000.000 đồng.

Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, Công ty có một (01) công ty con là công ty TNHH Bến Thành Sun Ny.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn cao su)
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia cầm và thủy sản)
- Mua bán hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát, thực phẩm tươi sống, rượu, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và giả da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, phương tiện đi lại và phụ tùng, hàng điện lạnh – điện giật, dụng cụ điện cầm tay, tiểu ngũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công – nông – ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng hàng gia dụng, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao (trừ kinh doanh súng thể thao), đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự an toàn xã hội), tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ, mắt kính, thiết bị sản xuất vàng, đĩa CD – băng từ các loại (có nội dung được phép lưu hành), vật tư ngành ánh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế. Kinh doanh nhà. Mua bán vật tư phục vụ sản xuất. Mua bán, chế biến nông – lâm – thủy – hải sản. Sản xuất, gia công hàng thủ công mỹ nghệ (trừ chế biến gỗ, trừ tái chế phế thải gỗ, sứ, thủy tinh, giấy), quần áo, sản phẩm kim loại. Lắp ráp, sửa chữa thiết bị viễn thông – đồ đạc – cảnh báo các loại. Dịch vụ khai thuê hải quan. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô. Cho thuê xe. Cho thuê nhà, văn phòng, căn hộ. Dịch vụ lao động. Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp. Mua bán thiết bị phòng cháy chữa cháy – viễn thông – cơ khí phục vụ sản xuất các loại, mờ thực phẩm, dầu động vật và thực vật, các sản phẩm từ động thực vật, các loại sáp động vật hoặc thực vật, sữa và các chế phẩm từ sữa các loại. Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn, kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại Thành phố Hồ Chí Minh). Dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế. Dịch vụ lắp ráp, sửa chữa và bảo trì máy vi tính. Dịch vụ viễn thông, rửa xe và sửa xe. Dịch vụ nhà đất. Môi giới thương mại. Tư vấn du học. Đào tạo ngoại ngữ. Mua bán rơ moóc, xe cẩu, xe nâng, máy văn phòng, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng và sản xuất, hàng mỹ nghệ, thực phẩm và hóa chất phục vụ nuôi trồng thủy hải sản (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bột mì, bột mì lát, bột huyết, bột cá, bột tôm, bột mực, bột đậu nành, bã dừa, điện thoại bàn, điện thoại di động, linh kiện điện thoại, thẻ cào, băng từ, đĩa CD-VCD trắng. Cho thuê kho bãi. Quảng cáo thương mại. Đại lý bán vé máy bay. Sửa chữa nhà. Trang trí nội thất. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), lập dự án – dự toán công trình xây dựng. Tư vấn đấu thầu. Chế biến lương thực và thức ăn gia súc (trừ chế biến thực phẩm tươi sống). Kinh doanh lưu trú du lịch: khu du lịch nghỉ dưỡng – khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh). Dịch vụ ăn uống: Nhà hàng. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải: dịch vụ giữ xe (trừ kinh doanh bến bãi ô tô). Sửa chữa máy móc thiết bị: dịch vụ bảo trì điện, điện lạnh. Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú: dịch vụ giặt là. Cắt tóc, làm đầu, gội đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Vương Công Minh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Hùng Kiệt	Thành viên
Ông Đào Văn Hùng	Thành viên
Ông Lưu Văn Sơn	Thành viên
Ông Phan Văn Quang	Thành viên
Ông Trần Cảnh Thông	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đỗ Hùng Kiệt	Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2013)

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính định kèm được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty.

(Phần tiếp theo trang 03)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013



ĐÔ HÙNG KIỆT

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 14.110/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 29 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0544-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BÉN THÀNH

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.558.424.293	123.365.089.254
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	42.557.119.635	54.376.349.098
1. Tiền	111		2.011.024.882	4.334.641.681
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.546.094.753	50.041.707.417
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	10.000.000.000	302.536.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.000.000.000	886.980.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			(584.444.000)
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	49.999.913.359	28.923.184.855
1. Phải thu khách hàng	131		1.200.119.905	632.386.795
2. Trả trước cho người bán	132		6.500.281.884	1.295.909.200
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		42.299.511.570	26.994.888.860
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	140		48.426.051.324	39.659.132.384
1. Hàng tồn kho	141	(5.4)	48.426.051.324	39.659.132.384
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		575.339.975	103.886.917
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		120.741.975	52.886.917
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		454.598.000	51.000.000

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BÉN THÀNH

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		223.092.639.923	225.078.100.014
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		144.664.171.316	146.514.200.214
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.5)	68.387.131.149	71.383.720.120
+ Nguyên giá	222		101.109.650.629	101.323.593.567
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.722.519.480)	(29.939.873.447)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	(5.6)	24.937.274.194	24.954.074.194
+ Nguyên giá	228		24.998.900.000	24.998.900.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61.625.806)	(44.825.806)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	51.339.765.973	50.176.405.900
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	78.173.044.683	78.289.970.683
1. Đầu tư vào công ty con	251		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		62.265.874.000	42.265.874.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4.812.026.903	37.771.729.356
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(904.856.220)	(13.747.632.673)
V. Tài sản dài hạn khác	260		255.423.924	273.929.117
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.325.000	23.498.326
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		251.098.924	250.430.791
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		374.651.064.216	348.443.189.268

(Phần tiếp theo trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BÉN THÀNH

BẰNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		107.522.916.931	80.544.242.934
I. Nợ ngắn hạn	310		79.889.642.612	49.986.143.657
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	24.600.862.805	24.529.985.937
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	13.128.164.880	2.014.309.686
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	17.937.864.558	11.411.012.664
5. Phải trả người lao động	315	(5.11)	19.541.233.612	9.232.952.518
6. Chi phí phải trả	316			140.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		476.189.176	445.493.444
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.12)	4.205.327.581	2.212.389.408
II. Nợ dài hạn	330		27.633.274.319	30.558.099.277
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.13)	26.442.448.419	29.868.554.283
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	(5.14)	1.190.825.900	689.544.994
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		267.128.147.285	267.898.946.334
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.15.1)	267.128.147.285	267.898.946.334
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.15.2)	106.000.000.000	88.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		109.419.120.000	127.419.120.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.240.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.156.926.111	9.156.926.111
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.746.504.533	7.628.731.915
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		32.807.836.641	35.694.168.308
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		374.651.064.216	348.443.189.268

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BẾN THÀNH**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			92.937.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		24.229,95	24.197,69
+ EUR			
+ SGD			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ THU HỒNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN KHẮC CƯỜNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2013



TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐỖ HÙNG KIỆT



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BÉN THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		164.367.490.273	162.267.662.088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		659.520	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	164.366.830.753	162.267.662.088
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	121.044.168.250	117.659.078.185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.322.662.503	44.608.583.903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	10.531.736.508	13.549.593.550
7. Chi phí tài chính trong đó, chi phí lãi vay	22	(6.4)	(12.853.975.003)	617.763.047
8. Chi phí bán hàng	23			230.054.691
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(6.5)	25.564.694.252	23.337.118.610
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25	(6.6)	11.051.572.305	9.640.697.418
11. Thu nhập khác	30		30.092.107.457	24.562.598.378
12. Chi phí khác	31		959.096.374	166.750.652
13. Lợi nhuận khác	32		540.911	347.662
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40		958.555.463	166.402.990
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	50		31.050.662.920	24.729.001.368
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	51	(6.7)	6.983.507.153	4.448.752.620
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.067.155.767	20.280.248.748

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2013

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THU HỒNG

NGUYỄN KHẮC CƯỜNG



TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÓ HÙNG KIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BỀN THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.050.662.920	24.729.001.368
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khâu hao tài sản cố định	02		2.919.187.175	2.976.286.775
Các khoản dự phòng	03		(13.427.220.453)	(718.589.410)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		4.726.252	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.966.358.314)	(13.547.914.977)
Chi phí lãi vay	06			230.054.691
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.580.997.580	13.668.838.447
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.095.601.194)	(1.456.303.525)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.766.918.940)	(4.073.084.922)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		29.299.381.357	14.293.864.055
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(48.681.732)	1.969.740.364
Tiền lãi vay đã trả	13			(230.054.691)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.878.108.649)	(4.597.215.031)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		828.340.042	4.223.223.152
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(12.005.250.004)	(9.589.131.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(7.085.841.540)	14.209.876.154
II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.195.095.528)	(1.341.568.904)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.136.364	2.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(24.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		33.281.146.953	412.958.090
7. Tiền thu lãi cho vay, cỗ tức và lợi nhuận được chia	27		10.146.032.140	13.489.212.250
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.233.219.929	(11.437.125.837)

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ BẾN THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(2.240.000)		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(11.051.046.254)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cỗ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.959.641.600)	(17.600.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.961.881.600)	(28.651.046.254)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(11.814.503.211)	(25.878.295.937)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	54.376.349.098	68.043.616.795	
Ânh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.726.252)	11.493.310	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	42.557.119.635	42.176.814.168	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2013

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THU HỒNG

NGUYỄN KHẮC CƯỜNG

ĐỖ HÙNG KIỆT



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước trước đây là Công ty Thương mại Tổng hợp Bến Thành theo Quyết định số 5435/QĐUB ngày 16 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 4103002274 ngày 21 tháng 04 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Qua các lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301164065 với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở được đặt tại 186-188 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.000.000.000 đồng.

Tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 Công ty có một (01) công ty con là công ty TNHH Bến Thành Sun Ny.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (phải đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn cao su)
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia cầm và thủy sản)
- Mua bán hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, nước giải khát, thực phẩm tươi sống, rượu, vải sợi, hàng may mặc, đồ da và già da, hàng kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, phương tiện đi lại và phụ tùng, hàng điện lạnh – điện gia dụng, dụng cụ điện cầm tay, tiêu ngũ kim các loại, khóa các loại, thiết bị phụ tùng máy phục vụ công – nông – ngư nghiệp, máy vi tính và linh kiện phụ tùng, nguyên vật liệu, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng hàng gia dụng, hàng lưu niệm, mỹ phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, dụng cụ thể thao (trừ kinh doanh súng thể thao), đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự an toàn xã hội), tranh sơn mài, hàng mây tre lá, sản phẩm thêu các loại, đồng hồ, mắt kính, thiết bị sǎn xuất vàng, đĩa CD – băng từ các loại (có nội dung được phép lưu hành), vật tư ngành ảnh, đồ bảo hộ lao động, dụng cụ y tế. Kinh doanh nhà. Mua bán vật tư phục vụ sản xuất. Mua bán, chế biến nông – lâm – thủy – hải sản. Sản xuất, gia công hàng thủ công mỹ nghệ (trừ chế biến gỗ, trừ tái chế phế thải gốm, sứ, thủy tinh, giấy), quần áo, sản phẩm kim loại. Lắp ráp, sửa chữa thiết bị viễn thông – đơ đặc – cành bão các loại. Dịch vụ khai thuê bãi quan. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô. Cho thuê xe. Cho thuê nhà, văn phòng, căn hộ. Dịch vụ lao động. Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Dịch vụ tổ chức biểu diễn nghệ thuật không chuyên nghiệp. Mua bán thiết bị phòng cháy chữa cháy – viễn thông – cơ khí phục vụ sản xuất các loại, mờ thực phẩm, dầu động vật và thực vật, các sản phẩm từ động thực vật, các loại sáp động vật hoặc thực vật, sữa và các chế phẩm từ sữa các loại. Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn, kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại Thành phố Hồ Chí Minh). Dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế. Dịch vụ lắp ráp, sửa chữa và bảo trì máy vi tính. Dịch vụ viễn thông, rửa xe và sửa xe. Dịch vụ nhà đất. Môi giới thương mại. Tư vấn du học. Đào tạo ngoại ngữ. Mua bán rơ moóc, xe cẩu, xe nâng, máy văn phòng, kim loại thành phẩm và bán thành phẩm sử dụng trong xây dựng và sản xuất, hàng mỹ nghệ, thực phẩm và hóa chất phục vụ nuôi trồng thủy hải sản (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bột mì, bột mì lát, bột huyết, bột cá, bột tôm, bột mực, bột đậu nành, bã dừa, điện thoại bàn, điện thoại di động, linh kiện điện thoại, thẻ cào, băng từ, đĩa CD-VCD trắng. Cho thuê kho bãi. Quảng cáo thương mại. Đại lý bán vé máy bay. Sửa chữa nhà. Trang trí nội thất. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính), lập dự án – dự toán công trình xây dựng. Tư vấn đấu thầu. Chế biến lương



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

thực và thức ăn gia súc (trừ chê biến thực phẩm tươi sống). Kinh doanh lưu trú du lịch: khu du lịch nghỉ dưỡng – khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh). Dịch vụ ăn uống: Nhà hàng. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải: dịch vụ giữ xe (trừ kinh doanh bến bãi ô tô). Sửa chữa máy móc thiết bị: dịch vụ bảo trì điện, điện lạnh. Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú: dịch vụ giặt là. Cắt tóc, làm đầu, gội đầu.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chê biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

▪ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

▪ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 30 năm
+ Máy móc thiết bị	06 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm
+ Phần mềm máy vi tính	03 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi tổng số vốn đầu tư thực tế của chủ sở hữu cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế được đầu tư thì Công ty phải tiến hành trích lập dự phòng. Mức trích lập dự phòng được tính bằng cách lấy tổng số vốn thực góp của các bên tại tổ chức kinh tế sau khi trừ đi vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty với tổng số vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế và tổng số vốn góp thực tế của các bên được xác định trên Bảng cân đối kế toán kỳ bán niên của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Căn cứ vào điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm, các quỹ dự trữ được trích lập năm 2013 dựa trên tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012 như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính	5%
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rõ ràng và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

▪ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất áp dụng là 25%.

▪ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

▪ Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ:

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của giai đoạn tài chính này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	769.154.400	2.784.357.200
Tiền gửi ngân hàng	1.241.870.482	1.550.284.481
Các khoản tương đương tiền	40.546.094.753	50.041.707.417
Tổng cộng	42.557.119.635	54.376.349.098

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	-	886.980.000
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	886.980.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(584.444.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	302.536.000

Tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank), kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 9%/năm.

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm
	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Nam – PNB	-	-	37.817
			886.980.000

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Nam: bán toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ.

(Phần tiếp theo trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	1.200.119.905	632.386.795
Trả trước cho người bán	6.500.281.884	1.295.909.200
Các khoản phải thu khác	42.299.511.570	26.994.888.860
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	49.999.913.359	28.923.184.855
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	49.999.913.359	28.923.184.855

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu Tổng Công ty Bến Thành – xem thêm mục 7	40.327.361.110	25.000.000.000
Phải thu Trường THPT Tư thực Phan Bội Châu	1.890.000.000	1.890.000.000
Khác	82.150.460	104.888.860
Cộng	42.299.511.570	26.994.888.860

Phải thu Tổng Công ty Bến Thành là khoản nợ gốc và lãi theo các hợp đồng hỗ trợ vốn, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất theo thỏa thuận trong từng hợp đồng.

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.689.006	6.393.869
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	76.714.000	-
Hàng hóa	48.341.648.318	39.652.738.515
Tổng cộng	48.426.051.324	39.659.132.384

(Phần tiếp theo trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	79.109.179.218	18.684.104.610	2.696.707.466	833.602.273	101.323.593.567
Mua trong kỳ	-	-	-	31.735.455	31.735.455
Giảm khác	-	(127.589.095)	-	(118.089.298)	(245.678.393)
Số dư cuối kỳ	79.109.179.218	18.556.515.515	2.696.707.466	747.248.430	101.109.650.629
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15.552.820.491	11.688.424.336	1.966.193.018	732.435.602	29.939.873.447
Khấu hao trong kỳ	1.599.740.043	1.162.203.330	112.671.546	27.772.256	2.902.387.175
Giảm khác	-	(71.553.273)	-	(48.187.869)	(119.741.142)
Số dư cuối kỳ	17.152.560.534	12.779.074.393	2.078.864.564	712.019.989	32.722.519.480
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	63.556.358.727	6.995.680.274	730.514.448	101.166.671	71.383.720.120
Tại ngày cuối kỳ	61.956.618.684	5.777.441.122	617.842.902	35.228.441	68.387.131.149

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thê chấp cho các khoản bảo lãnh thanh toán là 7.005.300.998 đồng.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.677.650.612 đồng.

(Phần tiếp theo trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	24.866.100.000	132.800.000	24.998.900.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	24.866.100.000	132.800.000	24.998.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	44.825.806	44.825.806
Khấu hao trong kỳ	-	16.800.000	16.800.000
Số dư cuối kỳ	-	61.625.806	61.625.806
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	24.866.100.000	87.974.194	24.954.074.194
Tại ngày cuối kỳ	24.866.100.000	71.174.194	24.937.274.194

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công trình cao ốc văn phòng 120 Bến Chương Dương	32.910.308.319	32.781.099.228
Công trình cao ốc văn phòng 129 – 131 Tân Thất Đạt	11.244.282.601	10.514.249.328
Công trình khách sạn 25 Trương Định	5.809.086.489	5.505.902.580
Công trình căn hộ Splendor	1.274.018.400	1.274.018.400
Công trình khác	102.070.164	101.136.364
Tổng cộng	51.339.765.973	50.176.405.900

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	12.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	62.265.874.000	42.265.874.000
Đầu tư dài hạn khác	4.812.026.903	37.771.729.356
Công giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	79.077.900.903	92.037.603.356
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(904.856.220)	(13.747.632.673)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	78.173.044.683	78.289.970.683

(Phần tiếp theo trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Vượng	5.000.000	50.000.000.000	3.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Tân Bình	940.534	11.065.874.000	940.534	11.065.874.000
Công ty TNHH TMDV Tổng hợp Bến Thành Savico	-	700.000.000	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Dân Sinh	-	500.000.000	-	500.000.000
Cộng	5.940.534	62.265.874.000	3.940.534	42.265.874.000

Lý do thay đổi với khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Vượng: Góp thêm vốn trong đợt phát hành tăng vốn từ 80 tỷ đồng lên 110 tỷ đồng.

- Về số lượng: Tăng 2.000.000 cổ phiếu
- Về giá trị: Tăng 20.000.000.000 đồng

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)	2	26.903	2	26.903
Đầu tư dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải	368.600	3.612.000.000	361.200	3.612.000.000
Công ty TNHH Cửa Khẩu Mộc Bài	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Phở 2000	-	100.000.000	-	100.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	3.352.821	32.959.702.453
Cộng	378.602	4.812.026.903	3.724.023	37.771.729.356

Lý do thay đổi với các khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Phương Đông: chuyển nhượng cổ phiếu.

- Về số lượng: Giảm 3.352.821 cổ phiếu
- Về giá trị: Giảm 32.959.702.453 đồng

Lý do thay đổi với số lượng cổ phiếu của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải: được chia thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần.

- Về số lượng: Tăng 7.400 cổ phiếu
- Về giá trị: Không thay đổi

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	24.600.862.805	24.529.985.937
Người mua trả tiền trước	13.128.164.880	2.014.309.686
Tổng cộng	37.729.027.685	26.544.295.623

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	652.124.930	1.071.043.815
Thuế xuất, nhập khẩu	12.520	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.619.786.602	3.514.388.098
Thuế thu nhập cá nhân	36.245.601	129.124.416
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	12.629.694.905	6.696.456.335
Tổng cộng	17.937.864.558	11.411.012.664

5.11. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn phải trả công nhân viên.

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.212.389.408	3.164.291.009
Trích lập trong kỳ	7.534.073.216	5.134.135.847
Sử dụng trong kỳ	(5.541.135.043)	(4.692.279.250)
Số dư cuối kỳ	4.205.327.581	3.606.147.606

5.13. Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác là các khoản nhận tiền đặt cọc cho thuê mặt bằng, trong đó, khoản nhận tiền đặt cọc từ bên liên quan là 10.153.846.152 đồng – xem thêm mục 7.

5.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là doanh thu cho thuê mặt bằng, trong đó doanh thu chưa thực hiện với bên liên quan là 105.180.000 đồng – xem thêm mục 7.

(Phần tiếp theo trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

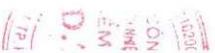
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	127.419.120.000	-	26.851.563.740	12.359.335	9.156.926.111	6.084.019.966	257.523.989.152
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	38.152.622.725	-	-	-	38.152.622.725
Tăng khác	-	-	-	4.202.829.639	107.864.635	-	-	4.310.694.274
Trích lập các quỹ	-	-	-	(6.712.847.796)	-	-	1.544.711.949	(5.168.135.847)
Chia cổ tức	-	-	-	(26.400.000.000)	-	-	-	(26.400.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(400.000.000)	(120.223.970)	-	-	(520.223.970)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	127.419.120.000	-	35.694.168.308	-	9.156.926.111	7.628.731.915	267.898.946.334
Tăng vốn trong kỳ	18.000.000.000	-	-	-	-	-	-	18.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	24.067.155.767	-	-	-	24.067.155.767
Tăng khác	-	-	(2.240.000)	-	12.391.058	-	-	10.151.058
Giảm vốn trong kỳ	-	(18.000.000.000)	-	-	-	-	-	(18.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(9.651.845.834)	-	-	2.117.772.618	(7.534.073.216)
Chia cổ tức	-	-	-	(16.959.641.600)	-	-	-	(16.959.641.600)
Giảm khác	-	-	-	(342.000.000)	(12.391.058)	-	-	(354.391.058)
Số dư cuối kỳ	106.000.000.000	109.419.120.000	(2.240.000)	32.807.836.641	-	9.156.926.111	9.746.504.533	267.128.147.285



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	45.993.070.000	43,39%	38.182.930.000	43,39%
Vốn góp của các đối tượng khác	60.006.930.000	56,61%	49.817.070.000	56,61%
Tổng cộng	106.000.000.000	100%	88.000.000.000	100%

5.15.3. Cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính:	1.800	2.600
▪ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	1.800	2.600

5.15.4. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.600.000	8.800.000
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	10.600.000	8.800.000
+ Cổ phần phổ thông	10.600.000	8.800.000
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	224	-
+ Cổ phần phổ thông	224	-
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	10.599.776	8.800.000
+ Cổ phần phổ thông	10.599.776	8.800.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.15.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	35.694.168.308	26.851.563.740
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	24.067.155.767	20.280.248.748
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(2.117.772.618)	(1.544.711.949)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.534.073.216)	(5.134.135.847)
Chia cổ tức	(16.959.641.600)	(17.600.000.000)
Giảm khác	(342.000.000)	(235.000.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	32.807.836.641	22.617.964.692

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	141.023.501.203	137.247.376.026
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.343.989.070	25.020.286.062
Các khoản giảm trừ doanh thu	(659.520)	-
Doanh thu thuần	164.366.830.753	162.267.662.088

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	110.202.401.034	106.366.467.986
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.841.767.216	11.292.610.199
Tổng cộng	121.044.168.250	117.659.078.185

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.499.918.489	6.585.946.810
Lãi kinh doanh chứng khoán	3.921.328.547	25.356.929
Cỗ tức, lợi nhuận được chia	3.109.510.414	6.934.338.511
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	979.058	3.951.300
Tổng cộng	10.531.736.508	13.549.593.550

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	-	230.054.691
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(13.427.220.453)	-
Lỗ do bán chứng khoán	565.535.500	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	387.690.431
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.726.252	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.983.698	17.925
Tổng cộng	(12.853.975.003)	617.763.047

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	23.791.030.944	19.996.203.367
Chi phí vật liệu, bao bì	272.548.391	212.872.492
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	134.257.998	237.397.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.264.866	82.231.518
Chi phí bảo hành	34.670.000	37.300.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	885.461.462	1.527.073.425
Chi phí bằng tiền khác	381.460.591	1.244.040.089
Tổng cộng	25.564.694.252	23.337.118.610

(Phần tiếp theo trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.359.695.413	3.717.974.815
Chi phí vật liệu quản lý	177.144.869	283.799.782
Chi phí đồ dùng văn phòng	131.225.822	138.356.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.872.791	168.544.109
Thuế phí, lệ phí	2.897.763.400	2.690.926.400
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	(1.106.279.841)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.144.347.134	1.860.838.139
Chi phí bằng tiền khác	2.182.522.876	1.886.537.314
Tổng cộng	11.051.572.305	9.640.697.418

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	31.050.662.920	24.729.001.368
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	540.911	347.622
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(3.117.175.220)	(6.934.338.511)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	27.934.028.611	17.795.010.479
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	6.983.507.153	4.448.752.620
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	6.983.507.153	4.448.752.620

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN.

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố

6.8.1. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yêu tố kỳ này

	Chi phí	Giá vốn	Tổng cộng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	715.177.080	111.159.508.371	111.874.685.451
Chi phí nhân công	28.150.726.357	-	28.150.726.357
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.137.657	2.695.049.518	2.919.187.175
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.029.808.596	3.090.649.191	5.120.457.787
Chi phí khác bằng tiền	5.496.416.867	4.098.961.170	9.595.378.037
Tổng cộng	36.616.266.557	121.044.168.250	157.660.434.807

(Phần tiếp theo trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.8.2.Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố kỳ trước (đã được trình bày bổ sung thêm mục giá vốn hàng bán)

	Chi phí	Giá vốn	Tổng cộng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	872.426.693	109.124.730.371	109.997.157.064
Chi phí nhân công	23.714.178.182	-	23.714.178.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.775.627	2.725.511.148	2.976.286.775
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.106.279.841)	-	(1.106.279.841)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.387.911.564	3.472.512.686	6.860.424.250
Chi phí khác bằng tiền	5.858.803.803	2.336.323.980	8.195.127.783
Tổng cộng	32.977.816.028	117.659.078.185	150.636.894.213

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Bến Thành	Cổ đông
2. Công ty TNHH Bến Thành Sun Ny	Công ty con
3. Công ty TNHH TMDV Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết
▪ Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:	

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - xem thêm mục 5.3	40.327.361.110	25.000.000.000
Phải trả dài hạn - xem thêm mục 5.13	(10.153.846.152)	(10.417.582.416)
Doanh thu chưa thực hiện - xem thêm mục 5.14	(105.180.000)	(104.300.000)
Tổng cộng	30.068.334.958	14.478.117.584

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cung cấp dịch vụ	1.780.465.066	1.643.819.960
▪ Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
Lương Ban Tổng Giám đốc	544.541.722	434.272.649

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuê, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MAI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.557.119.635	54.376.349.098	42.557.119.635	54.376.349.098
Phải thu khách hàng và phải trả khác	43.499.631.475	27.627.275.655	43.499.631.475	27.627.275.655
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	886.980.000	10.000.000.000	302.536.000
Đầu tư dài hạn	100.026.903	100.026.903	100.030.200	100.026.903
Tài sản tài chính khác	705.696.924	301.430.791	705.696.924	301.430.791
Tổng cộng	96.862.474.937	83.292.062.447	96.862.478.234	82.707.618.447

Công nợ tài chính

Phải trả người bán và phải trả khác	51.519.500.400	54.844.033.664	51.449.903.041	54.844.033.664
Chi phí phải trả	-	140.000.000	-	140.000.000
Tổng cộng	51.519.500.400	54.984.033.664	51.449.903.041	54.984.033.664

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này thì giá trị hợp lý được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn thời điểm và kỳ hạn phù hợp trong năm để có lãi suất có lợi nhất và nằm trong quản lý rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả:

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	25.077.051.981	14.254.023.520	12.188.424.899	51.519.500.400
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	24.975.479.381	17.216.393.120	12.652.161.163	54.844.033.664
Chi phí phải trả	140.000.000	-	-	140.000.000

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.499.631.475	-	-	43.499.631.475
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn	100.026.903	-	-	100.026.903
Tài sản tài chính khác	454.598.000	251.098.924	-	705.696.924
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.627.275.655	-	-	27.627.275.655
Đầu tư ngắn hạn	886.980.000	-	-	886.980.000
Đầu tư dài hạn	100.026.903	-	-	100.026.903
Tài sản tài chính khác	51.000.000	250.430.791	-	301.430.791

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ BÉN THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 07 năm 2013.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2013

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ THU HÒNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN KHẮC CƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HÙNG KIỆT